

Bản án số: 81/2022/DS-PT

Ngày: 28 - 3 - 2022

V/v “Tranh chấp di sản
thừa kế”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Cường

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Cường

Ông Mai Xuân Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Ông Nguyễn Xuân Thanh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 172/2021/TLPT-DS ngày 11 tháng 5 năm 2021 về “Tranh chấp di sản thừa kế”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2021/DS-ST ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo, kháng nghị. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1223/2022/QĐ-PT ngày 08 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị M; nơi đăng ký HKTT: Số 45 đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Nơi cư trú: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T; địa chỉ: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt;

2. Bị đơn: Ông Hoàng Văn B và bà Đỗ Thị Yến H; cùng trú tại: 20/3 đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Phạm Thị T; địa chỉ: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt;

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:

3.1. Bà Hoàng Thị M; trú tại: Hoa Kỳ.

Người đại diện theo ủy quyền của bà M: Bà Hoàng Thị M; trú tại: 45 đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt;

3.2. Bà Hoàng Thị T; địa chỉ: phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt;

3.3. Bà Hoàng Thị A; trú tại: phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Hoàng Thị A: Ông Nguyễn Văn T; địa chỉ: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt;

3.4. Anh Hoàng Ngọc A và anh Hoàng Đỗ Ngọc T; cùng trú tại: 20/3 đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Hoàng Ngọc A và anh Hoàng Đỗ Ngọc: Bà Đỗ Thị Yến H; trú tại: 20/3 đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt;

3.5. Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

Người kháng cáo: Bà Hoàng Thị M, ông Hoàng Văn B và bà Đỗ Thị Yến H.

Kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và trình bày của nguyên đơn; yêu cầu độc lập và trình bày của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thể hiện:

Bố mẹ chúng tôi là cụ Hoàng Văn Đ, cụ bà Nguyễn Thị H. Cụ Đ và cụ H có năm người con, gồm: con đẻ Hoàng Thị T, sinh năm 1958, Hoàng Thị A, sinh năm 1960, Hoàng Thị M, sinh năm 1967, Hoàng Văn B, sinh năm 1969 và con nuôi chị Hoàng Thị M, sinh năm 1956. Ngoài những người con nêu trên, bố mẹ tôi không còn người con nào khác. Cụ Nguyễn Thị H chết năm 1992, khi chết không để lại Di chúc; cụ Hoàng Văn Đ chết năm 2006, có để lại một bản Di chúc ngày 12/6/1997, do Nguyễn Văn B quản lý. Đến năm 2016, chúng tôi mới biết có bản Di chúc này.

Tài sản chung của bố mẹ chúng tôi bao gồm:

+ Căn nhà tọa lạc diện tích đất là 299,2m² tại 358A N, phường T, thành phố B (nay là 20/3 N, thành phố B), thửa đất số 118, tờ bản đồ số 39 (diện tích đo đạc thực tế là 305,5m²).

+ Diện tích đất trồng lúa là 4.361m² (đo đạc thực tế 4.679,7m²) thuộc các thửa đất số 11, 33, 34, 35, 36, 40, 43, 50, 52, 59, 60, tờ bản đồ số 39, tại phường T, thành phố B.

+ Diện tích đất rẫy cà phê 3.240m² (đo đạc thực tế là 3330,8m²), thửa đất số 99, tờ bản đồ số 63, tại phường T, thành phố B.

Nội dung bản Di chúc của bố tôi để lại toàn bộ tài sản trên cho vợ chồng ông Hoàng Văn B, bà Đỗ Thị Yến H là không hợp pháp, bởi mẹ tôi chết trước bố tôi và không để lại Di chúc, nên di sản của mẹ tôi là 1/2 giá trị khối tài sản chung được chia theo quy định của pháp luật; tức là 1/2 giá trị tài sản chia cho 6 người, bao gồm bố tôi và 05 chị em. Phần di sản mà bố tôi được hưởng cũng như 1/1 giá trị của bố tôi, thì bố tôi mới được quyền định đoạt cho ông B, bà H.

Vào ngày 27/8/2019, Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố B ban hành Quyết định số 5603/QĐ-UBND về việc thu hồi toàn bộ diện tích đất ở, đất trồng cây hàng năm khác và đất trồng lúa của ông B, bà H. Theo Quyết định số 5614/QĐ- UBND ngày 27/8/2019 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất thì ông B, bà H được nhận tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là 2.202.333.129 đồng.

Chúng tôi chỉ yêu cầu chia giá trị quyền sử dụng đất, gồm: Đất ở, đất trồng cây hàng năm khác và đất trồng lúa tại các thửa 118, 11, 33, 34, 35, 36, 40, 52, 59, tờ bản đồ số 39 theo mức đã được UBND thành phố B bồi thường tại Quyết định số 5614/QĐ-UBND ngày 27/8/2019 là 1.118.031.000 đồng; giá trị nhà số 01 trên thửa đất số 118 là 224.496.900 đồng. Ngoài hai khoản tiền nêu trên, chúng tôi không yêu cầu chia đối với khoản tiền bồi thường nào khác và xác định các công trình kiến trúc khác, cây cối hoa màu khác trên đất ở và đất trồng lúa là công sức của ông B, bà H trong việc giữ gìn, quản lý tài sản.

Riêng diện tích 717m² đất trồng lúa thuộc các thửa 43, 50, 60, tờ bản đồ 39 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số BK 901354 (theo hồ sơ kỹ thuật khi thu hồi đất là thửa số 150, diện tích thực tế là 579,2m²), thì diện tích đất này bố mẹ chúng tôi đã cho bà T từ khi còn sống, nên đây không phải là di sản thừa kế, chúng tôi không có yêu cầu đối với thửa đất này.

Đối với ý kiến của bị đơn cho rằng: Diện tích 3330,8m² đất rẫy cà phê, thửa đất số 99, tờ bản đồ số 63, tại phường T, thành phố B là do vợ chồng bị đơn nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Tám. Chúng tôi không đồng ý, vì thửa đất này là tài sản chung của bố mẹ chúng tôi. Trước đây, bố tôi đã được UBND thành phố B cấp GCNQSDĐ. Sau khi bố mất, vợ chồng bị đơn mới làm thủ tục sang tên cho vợ chồng bị đơn. Chúng tôi xác định toàn bộ cây trồng, 01 giếng nước và nhà rẫy là công sức của ông B, bà H đã tạo lập, giữ gìn, nên không yêu cầu chia. Chúng tôi đề nghị được chia di sản thừa kế bằng quyền sử dụng đất.

Bị đơn còn có ý kiến: Xem xét vợ chồng bị đơn là người chăm sóc, phụng dưỡng bố khi ông già yếu; đồng thời, xem xét việc vợ chồng bị đơn là người lo tang lễ, thờ cúng bố mẹ từ khi bố mẹ chúng tôi chết cho đến nay. Theo chúng tôi, đây là

nghĩa vụ của con cái đối với cha mẹ, tiền phúng điếu do vợ chồng bị đơn quản lý, sử dụng toàn bộ nên chúng tôi không đồng ý.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn về việc: Yêu cầu chia giá trị của 2.200m² đất trồng cây cà phê tại tổ dân phố 9, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; giá trị quyền sử dụng diện tích 579,2m² đất trồng lúa nước, thửa đất số 150, tờ bản đồ số 39, tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; giá trị quyền sử dụng đất tại số 358B N (nay là số 22 đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk). Bà Hoàng Thị M, Hoàng Thị T và Hoàng Thị A có ý kiến: Những tài sản này đã được cụ H và cụ Đ cho riêng bà M, bà T, bà A từ khi các cụ còn sống, nên không đồng ý với yêu cầu của bị đơn.

2. Theo đơn yêu cầu phản tố và trình bày của bị đơn thể hiện:

Chúng tôi thống nhất với lời trình bày của bà Hoàng Thị M và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập về mối quan hệ huyết thống, số anh chị em trong gia đình và thời điểm bố mẹ mất. Khi mẹ mất không để lại Di chúc, bố mất có để lại một bản Di chúc ngày 12/6/1997, có xác nhận của UBND phường T, thành phố B.

Trong bản Di chúc mà bố tôi để lại đã thể hiện: Bố tôi đã chia cho bà Hoàng Thị M diện tích 2.200m² đất trồng cây cà phê tại tổ dân phố 9, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; chia cho bà Hoàng Thị A diện tích 1.000m² đất, trên đất có một căn nhà gỗ, mái lợp ngói tại số 358B N (nay là số 22 đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk), diện tích thực tế là 782,5m²; chia cho bà Hoàng Thị T diện tích 579,2m² đất trồng lúa nước, thửa đất số 150, tờ bản đồ số 39, tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Các tài sản còn lại thì chia cho vợ chồng tôi. Do đó, chúng tôi không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà M, bà T, bà A. Sau khi bố mẹ tôi chết, vợ chồng tôi là người quản lý, sử dụng tài sản. Các con của chúng tôi không có công sức đóng góp, cũng như không tạo lập thêm vào khối tài sản này.

Diện tích 3330,8m² đất rẫy cà phê thuộc thửa đất số 99, tờ bản đồ số 63, tại tổ dân phố 09, phường T, thành phố B là do vợ chồng tôi nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Tám, không phải tài sản của bố mẹ tôi để lại.

Vợ chồng tôi làm đơn phản tố yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế đối với:

+ Giá trị quyền sử dụng diện tích 2.083,3m² đất trồng cây cà phê tại tổ dân phố 9, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk mà bố tôi đã cho bà Hoàng Thị M. Đối với tài sản này, tôi chỉ yêu cầu chia giá trị quyền sử dụng đất theo kết quả thẩm định giá tài sản, không tranh chấp tài sản trên đất, vì bà M đã chuyển nhượng cho người khác.

+ Giá trị quyền sử dụng diện tích 782,5m² tại số 358B N (nay là số 22 đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk), theo Quyết định số 5578/QĐ-UBND ngày 27/8/2019 của UBND thành phố B là 2.654.000.000 đồng. Tài sản này trước đây do bố tôi cho bà Hoàng Thị A, sau đó bà A chuyển nhượng cho bà Lý A S. Tôi chỉ yêu cầu chia giá trị quyền sử dụng đất. Tài sản trên đất là do bà Lý A S tạo lập.

+ Giá trị quyền sử dụng diện tích 579,2m² đất trồng lúa nước, thửa đất số 150, tờ bản đồ số 39, tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Theo quyết định số 5614/QĐ-UBND ngày 27/8/2019 của UBND thành phố B là 55.600.000 đồng. Bố tôi cho bà Hoàng Thị T, nhưng bà T không canh tác, nên tôi làm thủ tục đăng ký cấp GCNQSDĐ.

Tất cả các tài sản mà tôi yêu cầu chia, tôi xác định là tài sản chung của bố mẹ tôi. Do mẹ tôi chết trước bố tôi và không để lại Di chúc, nên di sản của mẹ tôi là 1/2 giá trị khối tài sản chung được chia theo quy định của pháp luật; tức là 1/2 giá trị tài sản chia cho 6 người, bao gồm bố tôi và 05 chị em.

Ngoài ra, vợ chồng tôi là người chăm sóc, phụng dưỡng bố tôi khi ông già yếu, là người lo tang lễ, thờ cúng bố mẹ từ khi bố mẹ chúng tôi chết cho đến nay, đề nghị Tòa án xem xét công sức.

3. Theo nội dung Công văn số 5664/UBND-CNTTPTQĐ ngày 30/12/2020 của UBND thành phố B thể hiện:

Hộ ông B, bà H bị thu hồi tổng diện tích đất là 5.056,4m². Tổng số tiền ông B, bà H được bồi thường, hỗ trợ là 2.712.085.989 đồng. Không có ai khiếu nại, kiến nghị liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông B, bà H. Chỉ có bà Hoàng Thị M đề nghị chưa chi trả tiền, vì đang có sự tranh chấp tài sản trong gia đình. Hộ ông B, bà H được giao 01 lô đất tái định cư tại khu vực phường S, thành phố B, số tiền phải nộp ngân sách Nhà nước là 910.350.000 đồng. Do hộ dân chưa có tiền thực hiện nghĩa vụ tài chính, nên Trung tâm phát triển quỹ đất đã xem xét cho hộ ông B tạm ứng 724.380.000 đồng. UBND thành phố B đề nghị không tham gia tố tụng tại phiên tòa.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm 03/2021/DS-ST ngày 15/3/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk quyết định:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, Điều 144, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, Điều 165, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 612, 613, 618, 623, 643, 650, 651, 659, 660 Bộ luật Dân sự năm 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị M và đơn yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Hoàng Thị M, bà Hoàng Thị T, bà Hoàng Thị A.

Xác nhận căn nhà tọa lạc trên diện tích 305,5m² đất tại số 20/3 đường N, phường T, thành phố B, thuộc thửa đất số 118, tờ bản đồ số 39; diện tích 4.100,5 m² đất trồng lúa thuộc các thửa đất số 11, 33, 34, 35, 36, 40, 52, 59, tờ bản đồ số 39 tại phường T, thành phố B đã được UBND thành phố B ban hành Quyết định thu hồi đất và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất; diện tích 3.330,8m² đất trồng cà phê thuộc thửa đất số 99, tờ bản đồ số 63 tại phường T, thành phố B đã được UBND thành phố B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 895770 cho ông Hoàng Văn B là di sản thừa kế do cụ Nguyễn Thị H và cụ Hoàng Văn Đ để lại.

Ông Hoàng Văn B, bà Đỗ Thị Yến H có trách nhiệm thanh toán cho bà Hoàng Thị M, bà Hoàng Thị T, bà Hoàng Thị A và bà Hoàng Thị M trị giá phần thừa kế mỗi người được hưởng là 357.600.000 đồng (Ba trăm năm mươi bảy triệu sáu trăm nghìn đồng).

Ông Hoàng Văn B, bà Đỗ Thị Yến H được quyền sử dụng diện tích 3.330,8m² đất trồng cà phê và sở hữu toàn bộ tài sản trên đất thuộc thửa đất số 99, tờ bản đồ số 63 tại phường T, thành phố B, đã được UBND thành phố B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 895770 cho ông Hoàng Văn B. Được nhận toàn bộ số tiền bồi thường, hỗ trợ theo các quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ số 5614/Đ-UBND ngày 27/8/2019, số 7185/QĐ-UBND ngày 02/10/2019, số 8574/QĐ-UBND ngày 15/12/2020 và số 6733/QĐ-UBND ngày 15/9/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố B.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 BLDS năm 2015.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn B, bà Đỗ Thị Yến H về việc chia thừa kế là giá trị quyền sử dụng diện tích 782,5m² đất tại số 22 đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; giá trị diện tích 2.083,3m² đất trồng cây cà phê tại tổ dân phố 9, phường T, thành phố B của ông Hoàng Văn Cầu; giá trị quyền sử dụng diện tích 579,2m² đất trồng lúa nước thuộc thửa đất số 43,50, 60 tờ bản đồ số 39, tại phường T, thành phố B.

Ngoài ra bản án còn quyết định về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng, án phí sơ thẩm, quyền kháng cáo.

Ngày 29/3/2021, bà Hoàng Thị M, ông Hoàng Văn B và bà Đỗ Thị Yến H kháng cáo;

Ngày 29/3/2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk kháng nghị phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông T trình bày: Nguồn gốc đất đều do ông Đ, bà H khai hoang. Đối với diện tích đất 3330,8m² là do nhận chuyển nhượng và được cấp giấy cho ông Đ vào năm 2001 mà ông B, bà H không có khiếu nại gì. Bị đơn đã được hưởng 50% di sản thừa kế, hưởng hoa lợi, lợi tức nhưng không có trách nhiệm với bố mẹ khi ốm đau. Đề nghị HĐXX xem xét chia số tiền 357 triệu của bà H để chia cho bà M. Không chia cho ông B 1 kỷ phần công sức đối với phần bà H để lại cho ông Đ. Đối với kháng nghị của Viện kiểm sát tôi đề nghị sửa bản án sơ thẩm chia 6 phần thừa kế, chia cho bà M phần bà H để lại cho ông Đ. Đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm. Bà M thống nhất với ông T.

LS T trình bày: Di chúc 02/6/1997 ông Đ lập ra và các tài sản có trong di chúc là trong hợp pháp, nguyên đơn cũng thừa nhận tài sản trong di chúc do ông Đ, bà H tạo lập trong quá trình chung sống nên phải chia theo quy định pháp luật. Nguyên đơn chỉ yêu cầu giải quyết giá trị quyền sử dụng đất và không yêu cầu giải quyết các tài sản trên đất. Đơn phản tố của bà H, ông B cho rằng những tài sản trước đây cho bà M, T, A phải được chia theo quy định pháp luật. Tài sản này đã được ông Đ, bà H tạo lập trong quá trình hôn nhân và được đề cập trong di chúc thì phải được tôn trọng và phải chia công bằng và chia cho ông B 1 phần trong khối tài sản chung này. Khối tài sản trong di chúc phải được chia làm 3 phần. Phần của ông Đ đã cho ông B, phần của bà H phải được chia làm 7 phần, 6 phần cho 6 người và 1 phần công sức giữ gìn tôn tạo cho ông B. Đơn khởi kiện chỉ yêu cầu xem xét giá trị quyền sử dụng đất, nhưng cấp sơ thẩm xem xét giá trị nhà để giải quyết cho bên nguyên đơn là ảnh hưởng quyền lợi ích hợp pháp của bị đơn. Đối với đất cà phê có diện tích 3330,8m², nguồn tiền vay mượn từ bà Vũ, khi chuyển nhượng năm 1991 bà H đã 67 tuổi, ông Đ 69 tuổi. Như vậy hai ông bà đã không còn sức lao động, ông B, bà H đã bỏ công sức duy trì rẫy này đến đây. Trong giấy ông Tám chỉ biết khi giao tiền, vàng có ông B, ông Đ. Số vàng này mượn của bà Vũ và ông B, bà H đã bỏ tiền ra để trả lại cho bà M để bà M phụng dưỡng bà Vũ. Đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của ông B, bà H; chấp nhận đơn phản tố của ông B, bà H và không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Sửa bản án sơ thẩm. Bà H thống nhất với quan điểm của luật sư.

Bà T trình bày: Tôi đồng ý trích 1 phần căn nhà 358B N cho ông B. Đối với thửa đất số 99, diện tích 3330,8m² là mảnh đất của bố mẹ. Đối với 3 tài sản bố mẹ đã cho các chị em thì tôi không đồng ý chia.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý phúc thẩm vụ án, đến trước thời điểm nghị án là đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của bà Hoàng Thị M, ông Hoàng Văn B và bà Đỗ Thị Yến H và quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk là trong thời hạn luật định.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận một phần kháng nghị sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn. Chấp nhận một phần phần tố của ông B, bà H về việc xem xét công sức chăm lo, phụng dưỡng ông B, bà H.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự và của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Ngày 29/3/2021, bà Hoàng Thị M, ông Hoàng Văn B và bà Đỗ Thị Yến H kháng cáo và ngày 29/3/2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk kháng nghị phúc thẩm Bản án dân sự sơ thẩm 03/2021/DS-ST ngày 15/3/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Như vậy đơn kháng cáo của bà Hoàng Thị M, ông Hoàng Văn B, bà Đỗ Thị Yến H và kháng nghị phúc thẩm của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk là trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo và kháng nghị:

[2.1] Trong các giai đoạn tố tụng và tại phiên tòa xét xử phúc thẩm hôm nay, các đương sự thống nhất xác định cụ Hoàng Văn Đ và cụ bà Nguyễn Thị H có 05 người con gồm: Hoàng Thị T, Hoàng Thị A, Hoàng Thị M, Hoàng Văn B, Hoàng Thị M. Về tài sản chung của cụ Hoàng Văn Đ và cụ bà Nguyễn Thị H, các đương sự không thống nhất được với nhau. Cụ Nguyễn Thị H chết năm 1992 không để lại di chúc; cụ Hoàng Văn Đ chết năm 2006, có để lại một bản di chúc thừa kế tài sản ngày 12/6/1997 và có xác nhận của chính quyền địa phương. Di chúc ngày 12/6/1997 của cụ Đ có nội dung: "... Trong quá trình sinh sống từ trước tới nay tại B. Tôi được chính quyền công nhận cho tôi được quyền sở hữu một số tài sản như

sau: Một căn nhà số 358A N, có diện tích là $80m^2$ và một căn nhà số 358B N, diện tích đất là $1.000m^2$. Diện tích đất ruộng nước và đất trồng rau xanh là $4.300m^2$, hiện thuộc khu phố 8, phường T. Có 02 vườn cà phê thuộc khu vực Lò than khu phố 9, có diện tích như sau: 01 vườn có diện tích $3.240m^2$, cùng 01 hồ cá; 01 vườn có diện tích $2.200m^2$. Trong quá trình sinh sống, tất cả các con tôi đã trưởng thành và có gia đình. Tôi đã cho tất cả các con gái tôi những tài sản như sau: Hoàng Thị T, sinh năm 1958 ($800m^2$ ruộng); Hoàng Thị A, sinh năm 1960 (một căn nhà số 358B N, diện tích đất là $1.000m^2$); Hoàng Thị M 01 vườn cà phê thuộc khu vực Lò than khu phố 9, phường T, có diện tích $2.200m^2$. Đến nay, số tài sản còn lại của tôi là: Một căn nhà số 358A N và $4.300m^2$ đất ruộng nước và đất trồng rau xanh, thuộc khu phố 8, phường T và 01 vườn cà phê diện tích đất $3.240m^2$, thuộc khu phố 9, phường T. Nay trong lúc tôi còn minh mẫn và con trai tôi tên Hoàng Văn B đã trưởng thành và có vợ con. Nên tôi lập tờ di chúc này thừa kế tài sản cho con trai tôi và con dâu tôi tên là Hoàng Văn B, Đỗ Thị Yến H được toàn quyền sử dụng số tài sản còn lại của tôi...” (bút lục số 246).

[2.2] Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trình bày của các đương sự. Tòa án cấp sơ thẩm đã phân tích, nhận định và quyết định: Tài sản chung của cụ Hoàng Văn Đ và cụ Nguyễn Thị H gồm có: Giá trị nhà, quyền sử dụng đất $305,5m^2$ tọa lạc tại số 20/3 đường N, phường T, thành phố B, thuộc thửa đất số 118, tờ bản đồ số 39 và giá trị quyền sử dụng đất thuộc các thửa đất số 11, 33, 34, 35, 36, 40, 52, 59, tờ bản đồ số 39 tại phường T, thành phố B là 1.342.527.000đ; diện tích $3.330,8m^2$ đất trồng cà phê thuộc thửa đất số 99, tờ bản đồ số 63 tại phường T, thành phố B đã được UBND thành phố B cấp GCNQSDĐ số BK 895770 cho ông Hoàng Văn B (theo Chứng thư thẩm định giá tài sản ngày 19/11/2020 của Trung tâm thẩm định giá tài sản Trung Tín, diện tích $3.330,8m^2$ đất trồng cà phê thuộc thửa đất số 99, tờ bản đồ số 63 tại phường T, thành phố B là 3.663.880.000đ). Tổng cộng tài sản có giá trị là 5.006.407.000đ. Từ đó, chia di sản của cụ H để lại là $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung của cụ Hoàng Văn Đ và cụ Nguyễn Thị H là 2.503.203.000đ thành 07 kỷ phần, mỗi kỷ phần là 357.600.000đ. Trong đó, ông Hoàng Văn B được nhận 03 kỷ phần (kỷ phần của cụ Đ, kỷ phần có công sức quản lý di sản và kỷ phần theo thừa kế). Giao cho ông Hoàng Văn B, bà Đỗ Thị Yến H được quyền sử dụng diện tích $3.330,8m^2$ đất trồng cà phê, sở hữu toàn bộ tài sản trên đất thuộc thửa đất số 99, tờ bản đồ số 63 tại phường T, thành phố B, theo GCNQSDĐ số BK 895770 cho ông Hoàng Văn B và được nhận toàn bộ số tiền bồi thường, hỗ trợ theo các quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ số 5614/Đ-UBND ngày 27/8/2019, số 7185/QĐ-UBND ngày 02/10/2019, số 8574/QĐ-UBND ngày 15/12/2020 và số 6733/QĐ-UBND ngày 15/9/2020 của UBND thành phố B. Đồng

thời, ông Hoàng Văn B, bà Đỗ Thị Yên H có trách nhiệm thanh toán cho bà Hoàng Thị M, bà Hoàng Thị T, bà Hoàng Thị A và bà Hoàng Thị M mỗi người 357.600.000 đồng (Ba trăm năm mươi bảy triệu sáu trăm nghìn đồng) là có căn cứ.

[2.3] Đối với di chúc của cụ Hoàng Văn Đ ngày 12/6/1997 có nội dung: “... Trong quá trình sinh sống, tất cả các con tôi đã trưởng thành và có gia đình. Tôi đã cho tất cả các con gái tôi những tài sản như sau: Hoàng Thị T, sinh năm 1958 (800m² ruộng); Hoàng Thị A, sinh năm 1960 (một căn nhà số 358B N, diện tích đất là 1.000m²); Hoàng Thị M 01 vườn cà phê thuộc khu vực Lò than khu phố 9, phường T, có diện tích 2.200m²...” (bút lục số 246). Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, bà Hoàng Thị M (đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà Hoàng Thị M), bà Hoàng Thị T, bà Hoàng Thị A và ông Hoàng Văn B thừa nhận: Khi các cụ Hoàng Văn Đ, Nguyễn Thị H còn sống đã cho bà Hoàng Thị T 800m² ruộng (nay là 579,2m²); bà Hoàng Thị A một căn nhà số 358B N, diện tích đất là 1.000m² (nay là 782,5m²); Hoàng Thị M 01 vườn cà phê thuộc khu vực Lò than khu phố 9, phường T, có diện tích 2.200m² (nay là 2.083,3m²). Những tài sản này, bà A đã chuyển nhượng cho ông Hoàng Văn Cầu; bà M đã chuyển nhượng cho Lý A S; diện tích 800m² ruộng (nay là 579,2m²) của bà T bị giải tỏa và đền bù cho vợ chồng ông B. Như vậy, có căn cứ xác định bà Hoàng Thị T, bà Hoàng Thị A, Hoàng Thị M đã được cụ Hoàng Văn Đ và cụ Nguyễn Thị H cho tài sản nêu trên. Di chúc ngày 12/6/1997 của cụ Đ có nội dung nhắc lại vấn đề các cụ cho tài sản đối với bà T, A, M trước đây mà thôi. Do đó, yêu cầu phản tố của ông Hoàng Văn B, bà Đỗ Thị Yên H về việc chia thừa kế đối với những tài sản này là không có căn cứ.

[2.4] Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu hủy GCNQSDĐ cấp cho ông B, bà H; tuy nhiên, sau đó đã tự nguyện rút yêu cầu. Xét thấy: Yêu cầu này của đương sự không phải là quan hệ tranh chấp. Do đó, khi có yêu cầu hủy GCNQSDĐ là quyết định cá biệt, Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án mà thấy quyết định cá biệt có ảnh hưởng đến quyền lợi của đương sự thì Tòa án xem xét theo khoản 1 Điều 34 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Trong vụ án này, Tòa án cấp sơ thẩm không đình chỉ về nội dung này là có căn cứ.

[2.5] Đối với khoản tiền lo tang lễ, thờ cúng cha mẹ từ khi cha mẹ chết cho đến nay. Xét thấy đây là trách nhiệm và nghĩa vụ của những người làm con khi có cha mẹ qua đời và hương khói về sau. Hơn nữa, tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, bị đơn trình bày về nội dung này để chứng minh có đóng góp công sức chứ không yêu cầu nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trả lại cho bị đơn. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết nội dung này là có căn cứ.

[2.6] Bản án sơ thẩm tuyên buộc ông Hoàng Văn B, bà Đỗ Thị Yến H có trách nhiệm thanh toán cho bà Hoàng Thị M, bà Hoàng Thị T, bà Hoàng Thị A và bà Hoàng Thị M mỗi người 357.600.000 đồng (Ba trăm năm mươi bảy triệu sáu trăm nghìn đồng); đồng thời, ông Hoàng Văn B, bà Đỗ Thị Yến H được nhận toàn bộ số tiền bồi thường, hỗ trợ theo các quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ số 5614/Đ-UBND ngày 27/8/2019, số 7185/QĐ-UBND ngày 02/10/2019, số 8574/QĐ-UBND ngày 15/12/2020 và số 6733/QĐ-UBND ngày 15/9/2020 của UBND thành phố B là rất rõ ràng. Nghĩa vụ thanh toán và quyền được đi nhận tiền nêu trên của ông Hoàng Văn B, bà Đỗ Thị Yến H được thực hiện sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[2.7] Điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án quy định: "... một trong các bên yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung, di sản thừa kế đó thì mỗi bên đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo mức tương ứng với giá trị phần tài sản mà họ được chia, được hưởng trong khối tài sản chung hoặc trong khối di sản thừa kế. Đối với phần Tòa án bác đơn yêu cầu thì người yêu cầu chia tài sản chung, di sản thừa kế không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trường hợp Tòa án xác định tài sản chung, di sản thừa kế mà đương sự yêu cầu chia không phải là tài sản của họ thì đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch". Bản án sơ thẩm đã nhận định quyền sử dụng đất đối với diện tích 782,5m², diện tích 2.083,3m², diện tích 579,2m² được di chúc của cụ Hoàng Văn Đ nhắc lại việc bà Hoàng Thị T, Hoàng Thị A, Hoàng Thị M đã được cho trước đây, nên không chấp nhận yêu cầu chia của ông Hoàng Văn B, bà Đỗ Thị Yến H. Từ đó, ông Hoàng Văn B, bà Đỗ Thị Yến H không phải chịu án phí đối với yêu cầu này là có căn cứ.

[2.8] Bản án nhận định và quyết định chia cho ông Hoàng Văn B, bà Đỗ Thị Yến H thêm phần công sức quản lý di sản tương đương một phần thừa kế là có căn cứ. Tuy nhiên, không tuyên chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn là thiếu sót. Cấp phúc thẩm sửa nội dung này cho phù hợp với quyết định của bản án.

[3] Tại phiên tòa xét xử phúc thẩm hôm nay, các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới. Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được phân tích tại mục [1], [2] nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Hoàng Thị M, ông Hoàng Văn B và bà Đỗ Thị Yến H; chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk, sửa một phần bản án sơ thẩm.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Hoàng Thị M và ông Hoàng Văn B, bà Đỗ Thị Yến H không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 và Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Hoàng Thị M, ông Hoàng Văn B và bà Đỗ Thị Yên H; chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk, sửa một phần bản án sơ thẩm.

2. Căn cứ khoản 5 Điều 26, Điều 144, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, Điều 165, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 612, 613, 618, 623, 643, 650, 651, 659, 660 Bộ luật Dân sự năm 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị M và đơn yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Hoàng Thị M, bà Hoàng Thị T, bà Hoàng Thị A. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn về phần công sức quản lý di sản.

Xác nhận căn nhà tọa lạc trên diện tích 305,5m² đất tại số 20/3 đường N, phường T, thành phố B, thuộc thửa đất số 118, tờ bản đồ số 39; diện tích 4.100,5 m² đất trồng lúa thuộc các thửa đất số 11, 33, 34, 35, 36, 40, 52, 59, tờ bản đồ số 39 tại phường T, thành phố B đã được UBND thành phố B ban hành Quyết định thu hồi đất và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất; diện tích 3.330,8m² đất trồng cà phê thuộc thửa đất số 99, tờ bản đồ số 63 tại phường T, thành phố B đã được UBND thành phố B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 895770 cho ông Hoàng Văn B là di sản thừa kế do cụ Nguyễn Thị H và cụ Hoàng Văn Đ để lại.

Ông Hoàng Văn B, bà Đỗ Thị Yên H có trách nhiệm thanh toán cho bà Hoàng Thị M, bà Hoàng Thị T, bà Hoàng Thị A và bà Hoàng Thị M trị giá phần thừa kế mỗi người được hưởng là 357.600.000 đồng (Ba trăm năm mươi bảy triệu sáu trăm nghìn đồng).

Ông Hoàng Văn B, bà Đỗ Thị Yên H được quyền sử dụng diện tích 3.330,8m² đất trồng cà phê và sở hữu toàn bộ tài sản trên đất thuộc thửa đất số 99, tờ bản đồ số 63 tại phường T, thành phố B, đã được UBND thành phố B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 895770 cho ông Hoàng Văn B. Được nhận toàn bộ số tiền bồi thường, hỗ trợ theo các quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ số 5614/Đ-UBND ngày 27/8/2019, số 7185/QĐ-UBND ngày 02/10/2019, số 8574/QĐ-

UBND ngày 15/12/2020 và số 6733/QĐ-UBND ngày 15/9/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố B.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 BLDS năm 2015.

2.2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn B, bà Đỗ Thị Yến H về việc chia thừa kế là giá trị quyền sử dụng diện tích 782,5m² đất tại số 22 đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; giá trị diện tích 2.083,3m² đất trồng cây cà phê tại tổ dân phố 9, phường T, thành phố B của ông Hoàng Văn Cầu; giá trị quyền sử dụng diện tích 579,2m² đất trồng lúa nước thuộc thửa đất số 43,50, 60 tờ bản đồ số 39, tại phường T, thành phố B.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Hoàng Thị M, ông Hoàng Văn B và bà Đỗ Thị Yến H không phải chịu. Hoàn trả cho bà Hoàng Thị M 300.000đ và ông Hoàng Văn B, bà Đỗ Thị Yến H 300.000đ đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0000307 ngày 31/3/2021 và số 60AA/2021/0006753 ngày 01/4/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

(Đã ký)

Nguyễn Cường

Mai Xuân Thành

Trần Quốc Cường